

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2019

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bốn

2. Bà Quách Thị Lùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST -DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; sinh năm 1986

Bị đơn: Anh Phạm Văn L; sinh năm 1981.

Địa chỉ: xóm 14, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: có mặt chị L; anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2018, bản tự khai ngày 15/3/2019 và tại phiên tòa chị Trần Thị L nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy và phải đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị L, sinh ngày 08/10/2004 và Phạm Quốc A sinh ngày 07/3/2011, nguyện vọng của chị được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 25/3/2019 bị đơn anh Phạm Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh sử dụng ma túy và phải đi chấp hành án đến tháng 9 năm 2016 anh ra trại vợ chồng anh sống ly thân từ đó. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh là người theo đạo công giáo không được phép ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị L, sinh ngày 08/10/2004 và Phạm Quốc A sinh ngày 07/3/2011, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2019 cháu Phạm Thị L và cháu Phạm Quốc A đều trình bày nguyện vọng là được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phạm Văn L; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 14, xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh L nghiện ma túy. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị L xin ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị L, sinh ngày 08/10/2004 và Phạm Quốc A sinh ngày 07/3/2011. Chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện thực tế hiện nay các cháu đang ở cùng chị L và đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Nay vợ chồng ly hôn giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị L, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị L trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Thị L, sinh ngày 08/10/2004 và Phạm Quốc A sinh ngày 07/3/2011, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000334 ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp giấy CNKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

